

BÁO CÁO

Sơ kết công tác tháng 3, quý I và kế hoạch công tác tháng 4, quý II năm 2019

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THÁNG 3, QUÝ I NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp, thủy sản có những thuận lợi như độ mặn không gây gắt và không gây áp lực cho sản xuất, nước ngọt dự trữ trong nội đồng đảm bảo phục vụ sản xuất; dịch bệnh trong chăn nuôi tuy có xảy ra nhưng nhanh chóng được khống chế, dịch bệnh trên cây trồng và thủy sản được kiểm soát; giá một số loại nông sản, thủy sản duy trì ở mức cao như tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cua biển, heo hơi, gà thả vườn; các công tác chuyên môn thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, cũng có một số khó khăn như chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm ảnh hưởng đến sự phát triển của tôm nuôi, áp lực của dịch bệnh làm cho người chăn nuôi heo hạn chế tái đàn; giá lúa có chiều hướng giảm; giá dừa khô, mía nguyên liệu, cá lóc ở mức thấp ảnh hưởng đến thu nhập của người dân; triều cường dâng cao và ảnh hưởng của bão số 1 gây thiệt hại đến sản xuất và nhà ở của một số hộ nông dân. Nhưng được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ngành, các cấp, đặc biệt là sự nỗ lực vượt khó của nông dân nên sản xuất nông nghiệp đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

- Tham mưu trình Ủy ban nhân tỉnh ban hành Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp đối với bệnh dịch tả heo Châu phi; thành lập Đội ứng phó nhanh ngăn chặn bệnh dịch tả heo Châu phi xâm nhập vào địa bàn tỉnh tại Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 04/3/2019; tổ chức duy trì 04 chốt Kiểm dịch ở 3 tuyến Quốc lộ 53, 54 và 60 theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 01/3/2019; biên soạn tài liệu Hướng dẫn cách nhận biết và biện pháp phòng, chống bệnh dịch tả heo Châu phi để tuyên truyền đến địa phương và hộ chăn nuôi.

- Tham mưu trình Ủy ban nhân tỉnh ban hành Kế hoạch phát triển HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Kế hoạch phát triển HTX, Liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

- Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 07/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch hành

động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

- Ban hành Quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2019 cho các đơn vị trực thuộc Sở.

- Thành lập đoàn công tác làm việc với địa phương về triển khai thực hiện công tác ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2019.

- Chuẩn bị thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin hỗ trợ cho các hợp tác xã, tổ hợp tác nêu nhu cầu bị thiệt hại năm 2018 để khôi phục sản xuất.

- Khảo sát thực tế tình hình sản xuất và các biện pháp phòng chống hạn, mặn cho cây trồng vụ Đông Xuân.

2. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của ngành

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản quý I/2019 (giá so sánh 2010) ước đạt 4.962 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010) đạt 17,7% kế hoạch, tăng 5,4% so cùng kỳ, trong đó:

- Nông nghiệp: 3.621 tỷ đồng, đạt 19,99% KH, tăng 2,68%.

- Lâm nghiệp: 64 tỷ đồng, đạt 20,65% KH, tăng 1,59%.

- Thủy sản: 1.277 tỷ đồng, đạt 13,28% kế hoạch, tăng 14,29%.

3. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt

Diện tích gieo trồng cây hàng năm trong tháng 7.626 ha, nâng tổng số được 91.426 ha, đạt 32,9% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 1.066 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Đã gieo sạ được 68.819 ha, đạt 31% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 35 ha; thu hoạch 12.411 ha, đạt 18% diện tích xuống giống, sản lượng 70.193 tấn, giảm 23.449 tấn so với cùng kỳ (nguyên nhân do tiến độ thu hoạch lúa Đông Xuân chậm), cụ thể:

+ Vụ Mùa: Trong tháng thu hoạch 49 ha, đến nay đã thu hoạch dứt điểm 2.235 ha, năng suất trung bình 4,45 tấn/ha (thấp hơn cùng kỳ 0,07 tấn/ha), sản lượng 9.952 tấn, thấp hơn cùng kỳ 753 tấn.

+ Vụ Đông Xuân: Xuống giống dứt điểm 66.584 ha, vượt kế hoạch 584 ha, cao hơn cùng kỳ 166 ha; đã thu hoạch được 10.176 ha, chậm hơn cùng kỳ 12.696 ha, năng suất trung bình 5,92 tấn/ha, (cao hơn cùng kỳ 0,092 tấn/ha), sản lượng 60.242 tấn.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 7.626 ha, nâng tổng số đến nay gieo trồng 22.607 ha tăng 1.031 ha so cùng kỳ, đạt 40,88% kế hoạch, gồm: Màu lương thực 2.751 ha, màu thực phẩm 12.233 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 7.622 ha; xây dựng 01 mô hình liên kết, tiêu thụ sản phẩm trên cây khoai môn, diện tích 20 ha tại xã Đại An. Huyện Trà Cú.

- Cây lâu năm: Cải tạo trồng mới 148 ha; ước tính đến nay có 14.955 ha cây ăn trái đang cho trái, sản lượng 89.250 tấn, cao hơn cùng kỳ 4.050 tấn; 17.944 ha dứa đang cho trái, sản lượng 80.330 tấn, cao hơn cùng kỳ 3.155 tấn.

- Tiếp tục theo dõi hệ thống bẫy đèn, kiểm tra các điểm dự tính, dự báo sâu bệnh để hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại; phát hành thông báo tình hình rầy nâu gây hại tại ấp số 5, xã Mỹ Cẩm, huyện Càng Long, đồng thời tuyên truyền, hướng dẫn nông dân phòng trị; phối hợp Công ty Cổ phần tập đoàn Lộc Trời tổ chức thăm đồng và tập huấn phòng trừ sâu bệnh cho 255 lượt nông dân trên địa bàn huyện Càng Long và Cầu Kè nhân nuôi 370 mummy, bộ đuôi kim để không chế bộ cánh cứng hại dứa.

b) Chăn nuôi, thú y

Tình hình chăn nuôi có chiều hướng phát triển, tuy nhiên còn nhiều khó khăn do áp lực của dịch bệnh nên các hộ chăn nuôi heo hạn chế đầu tư, giá cả các loại vật nuôi duy trì ở mức cao, hộ chăn nuôi có lợi nhuận khá, nhiều hộ đầu tư chăn nuôi bò vỗ béo kết hợp nguồn cỏ sẵn có tại địa phương và thức ăn công nghiệp, chăn nuôi gia cầm phát triển khá, do có nhiều mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, giá cả và thị trường tiêu thụ ổn định. Ước tổng đàn vật nuôi như sau: Đàn heo 329.475 con (tăng 14.275 con so cùng kỳ); đàn trâu, bò 209.475 con (tăng 372 con), đàn gia cầm 4,7 triệu con (tăng 103 ngàn con), sản lượng thịt hơi các loại khoảng 24 ngàn tấn (đạt khoảng 30% kế hoạch).

Bệnh Lở mồm long móng (LMLM) xảy ra tại ấp Bà Trâm, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành của hộ ông Nguyễn Thanh Vũ, 19 con heo (theo kết quả xét nghiệm số 061/TYV7-TBKQXN ngày 23 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thú y Vùng VII, heo dương tính với LMLM, type O); bệnh Cúm gia cầm xảy ra tại 01 hộ chăn nuôi ấp An Hòa, xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè (theo kết quả xét nghiệm số 064/TYV7-TBKQXN ngày 27 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thú y Vùng VII, gia cầm dương tính với H5N1), tổng số gia cầm nuôi 650 con (gà 50 con, vịt 200 con, vịt xiêm 400 con). Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với địa phương triển khai các biện pháp dập dịch; đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tình hình dịch bệnh trên địa bàn toàn tỉnh để có biện pháp phòng, chống kịp thời.

Vận động hộ chăn nuôi tiêm phòng cúm được 189.940 gia cầm; LMLM 3.511 gia súc; Đại chó, mèo 638 con; các bệnh thường xuyên 113.903 liều và các loại vắc xin khác 586.919 liều. Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh 23.30 con gia súc, 181.871 con gia cầm và 42.349 kg sản phẩm động vật. Nâng tổng số đến nay đã tiêm phòng Cúm 459.520 gia cầm (tăng 67.907 con cùng kỳ); LMLM 11.779 gia súc (tăng 8.494 con); Đại chó, mèo 1.169 con (tăng 249 con); các bệnh thường xuyên 240.573 liều (tăng 125.184 liều) và các loại vắc xin khác 1.189.506 liều (tăng 785.165 liều). Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất - nhập tỉnh 91.698 gia súc; gia cầm 669.227 con và 177,3 tấn sản phẩm động vật.

Triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp đối với bệnh Dịch tả heo Châu Phi, tổ chức Đoàn Kiểm tra liên ngành và Đội ứng phó nhanh

kiểm tra (ngày, đêm) việc mua bán, vận chuyển gia súc, gia cầm, đặc biệt là heo; kiểm tra tại các Chốt Kiểm dịch trên các tuyến Quốc lộ 53, 54, 60 nhằm kiểm soát tình hình gia súc, gia cầm và sản phẩm động vật xuất nhập tỉnh, đặc biệt là tình hình heo và sản phẩm heo nhập tỉnh.

c) Lâm nghiệp

- Tổ chức phun xịt 03 đợt thuốc diệt rệp sáp tấn công trên cây đước tại xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải, diện tích 03 ha; chuẩn bị các thủ tục để triển khai thực hiện Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Ký hợp đồng thi công xây dựng kè mềm kết hợp trồng rừng chống sạt lở bờ sông xã Định An, huyện Trà Cú; Phối hợp với Công ty Cổ phần thủy sản Cửu Long và tổ chức Naturland khảo sát đánh giá các chỉ tiêu để cấp chứng nhận tôm sinh thái cho hộ nuôi trên địa bàn xã Long Khánh.

- Triển khai kế hoạch trồng cây lâm nghiệp phân tán và kế hoạch khoán bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh, diện tích 5.452 ha; thực hiện vệ sinh phòng cháy 154,5 ha rừng; tổ chức 83 lượt tuần tra bảo vệ rừng, kết quả không phát hiện vi phạm; xác nhận 06 bảng kê lâm sản xuất bán động vật hoang dã, cấp 04 giấy phép nuôi động vật hoang dã. Nâng đến nay đã tổ chức 254 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện, xử lý 01 trường hợp phá rừng trái Pháp luật làm thiệt hại 160 m² rừng đước và mấm tại ấp Động Cao, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải; xác nhận 13 bảng kê lâm sản xuất bán động vật hoang dã và cấp 07 giấy phép nuôi động vật hoang dã.

d) Thủy sản: Sản lượng thu hoạch trong tháng 15.835 tấn. Nâng sản lượng thu hoạch đến nay 36.950 tấn, đạt 16,95% kế hoạch, tăng 6.033 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 6.292 ha, thu hoạch 9.948 tấn (3.293 tấn cá lóc, 777 tấn tôm sú, 1.973 tấn tôm thẻ chân trắng,...). Nâng tổng số đã thả nuôi 14.149 ha, thu hoạch 19.547 tấn (7.735 tấn cá lóc, 1.060 tấn tôm sú, 4.332 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 13,96% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 5.096 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 369 triệu con tôm sú giống, diện tích 4.960 ha; 559 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 1.074 ha; 05 triệu con cua biển, diện tích 163,3 ha; thu hoạch 3.004 tấn. Nâng tổng số đã thả nuôi 760 triệu con tôm sú, diện tích 11.368 ha; 1,105 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 2.110 ha; 22,4 triệu con cua biển, diện tích 246,5 ha; thu hoạch 5.927 tấn (thấp hơn cùng kỳ 746 tấn).

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 13 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 94,5 ha (cá lóc 4,6 triệu con, diện tích 6,7 ha); thu hoạch 6.944 tấn. Nâng tổng số đến nay đã thả nuôi 61,6 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 424 ha (cá lóc 35,8 triệu con, diện tích 63,6 ha); thu hoạch 13.620 tấn (cao hơn cùng kỳ 4.350 tấn).

- Khai thác: Sản lượng 5.886 tấn (1.049 tấn tôm), trong đó: Khai thác nội đồng 819 tấn (323 tấn tôm), khai thác hải sản 5.067 tấn (726 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng khai thác đạt 17.403 tấn (2.759 tấn tôm), đạt 22,3% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 937 tấn, trong đó: Khai thác nội đồng 2.221 tấn (822 tấn tôm), khai thác

hải sản 15.182 tấn (1.937 tấn tôm).

- Thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 527 tấn thủy sản (tôm sú 10 tấn, tôm thẻ 350 tấn), chế biến 439 tấn, tiêu thụ 191 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 1,38 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 1.369 tấn thủy sản (tôm sú 68 tấn, tôm thẻ 732 tấn), chế biến 987 tấn, tiêu thụ 628 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 3,86 triệu USD.

- Kiểm dịch 3,5 triệu con giống tôm sú và 127,6 triệu con giống tôm thẻ chân trắng; thực hiện 06 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản, thu 10 mẫu giáp xác tự nhiên phân tích kết quả 8 mẫu nhiễm virus gây bệnh đốm trắng. Nâng đến nay, kiểm dịch 33,5 triệu con tôm sú giống, 321,6 triệu con tôm thẻ chân trắng, thực hiện 25 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước phục vụ nuôi thủy sản, thu 15 mẫu giáp xác tự nhiên phân tích, kết quả 11 mẫu nhiễm virus gây bệnh đốm trắng.

e) Phát triển nông thôn

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố lồng ghép, tuyên truyền 120 lớp về công tác xây dựng nông thôn mới cho 3.120 lượt người dự; công nhận 698 hộ và 20 ấp đạt chuẩn đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng đến nay lồng ghép, tuyên truyền 474 cuộc cho 12.513 lượt người dự; công nhận 171.393 hộ (đạt 76,75% số phát động) và 317 ấp (chiếm 46,48%) đạt chuẩn nông thôn mới.

+ Năm 2019 được phân bổ là 194,8 tỷ đồng (vốn đầu tư phát triển 151 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 43,8 tỷ đồng), hiện đang chuẩn bị các thủ tục để triển khai thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất.

+ Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí về NTM: Có 39 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm 45,88% (30 xã có quyết định công nhận, 09 xã chờ quyết định công nhận); 4 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí; 35 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí; 07 xã đạt dưới 10 tiêu chí; huyện Tiểu Cần đạt chuẩn Nông thôn mới và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

+ Tham mưu xây dựng Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2019; tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo Quyết định ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2018 – 2020; dự họp Hội đồng thẩm định Trung ương xét, công nhận huyện Tiểu Cần đạt chuẩn nông thôn mới và thị xã Duyên Hải hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; dự Hội nghị toàn quốc Văn phòng Điều phối nông thôn mới năm 2019; tiếp và làm việc với đoàn công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tiền Giang đến học tập kinh nghiệm công tác lãnh, chỉ đạo xây dựng huyện nông thôn mới và đoàn tham quan của tỉnh Hà Tĩnh học tập kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp hữu cơ và xây dựng nông thôn mới; Cục Kinh tế hợp tác khảo sát xây dựng mô hình điểm tại Trà Vinh.

- Chương trình bố trí dân cư: Báo cáo quyết toán hạng mục hoàn thành và đề xuất bố trí kinh phí tiếp tục thực hiện Dự án Di dân sạt lở áp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành; Kết hợp khảo sát, kiểm tra hạng mục điện trung thế, hạ thế và trạm biến áp thuộc Dự án Di dân khẩn cấp vùng ven biển xã Trường

Long Hòa bàn giao cho Công ty Điện lực Trà Vinh quản lý. Phối hợp UBND xã Hiệp Thạnh rà soát, lập danh sách hộ có nguy cơ bị sạt lở trình phê duyệt.

- Kinh tế hợp tác: Tổ chức 03 lớp tập huấn thành lập mới HTX; khảo sát, đánh giá hiệu quả hoạt động HTX nông nghiệp năm 2018; lắp đặt 07 pano tuyên truyền về xây dựng HTX kiểu mới; tư vấn, hỗ trợ Tổ hợp tác Bưởi da xanh xã Hùng Hòa, huyện Tiểu Cần nâng lên HTX; Kết hợp Dự án AMD Trà Vinh tổ chức cho các HTX tham quan, học tập kinh nghiệm nuôi tôm công nghệ cao tại tỉnh Bạc Liêu; xây dựng Kế hoạch thực hiện Quyết định số 461/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án phát triển 15.000 HTX, Liên hiệp HTX nông nghiệp hoạt động hiệu quả đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh; chuẩn bị các nội dung đề triển khai thực hiện Nghị Quyết số 78/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hóa Nghị định số 98/2018/NĐ-CP về chính sách khuyến khích phát triển HTX, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế hợp tác gắn với khuyến khích phát triển HTX liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019 và kế hoạch thực hiện Đề án mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục khai thác, quản lý và vận hành tốt các trạm cấp nước hiện có; lắp đặt mới đồng hồ nước cho 568 hộ, nâng đến quý I lắp đặt mới đồng hồ nước cho 2.264 hộ. Tính từ đầu Chương trình đến nay đã cung cấp cho 116.561 hộ sử dụng nước máy.

4. Tình hình thực hiện chuyển đổi cơ cấu sản xuất

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, trong quý có 278 ha đất lúa kém hiệu quả chuyển đổi sang trồng màu, trồng cỏ nuôi bò, cải tạo trồng mới vườn cây ăn trái, vườn dừa, gồm trồng cải tạo trồng mới 148 vườn dừa và cây ăn trái; trồng màu 130 ha tập trung chủ yếu ở huyện Cầu Kè, Càng Long, Tiểu Cần và Châu Thành. Nâng tổng số từ năm 2014 đến nay chuyển đổi được 16.000 ha đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây ngắn ngày, cây ăn trái, trồng dừa và nuôi thủy sản để tăng giá trị trên đơn vị đất canh tác. Trong lĩnh vực nuôi thủy sản có sự chuyển đổi từ các con nuôi khác sang nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng 1.312 ha, chuyển từ hình thức nuôi quảng canh sang thâm canh và bán thâm canh khoảng 667 ha và chuyển từ hình thức nuôi thâm canh sang siêu thâm canh khoảng 98 ha (cùng kỳ 50 ha).

5. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão

- Các địa phương tổ chức thực hiện được 28 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 4.055 m, khối lượng 25.141 m³. Các huyện đang triển khai gồm: Trà Cú, Cầu Ngang, Cầu Kè, Càng Long, các huyện còn lại phối hợp đơn vị tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Ký hợp đồng thi công công trình duy tu, bảo dưỡng đê điều năm 2019; tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công sửa chữa các cầu trên tuyến đê biển; ký hợp đồng tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật các công trình thuộc nguồn

vốn phòng, chống hạn mặn năm 2019; kết hợp khảo sát tình hình sạt lở bờ sông xã Hòa Minh, huyện Châu Thành và tình hình sạt lở bờ sông Hậu huyện Trà Cú để có giải pháp khắc phục.

- Tổ chức 16 đợt kiểm tra tình hình đê điều, không phát hiện trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức 44 đợt kiểm tra đê điều, phát hiện 04 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định.

- Tham mưu kiện toàn Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh; bổ nhiệm Giám đốc Quỹ phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; báo cáo tổng kết thu, chi quỹ phòng chống thiên tai năm 2018; xây dựng kế hoạch giao chỉ tiêu thu, nộp Quỹ phòng chống thiên tai năm 2019.

- Thiệt hại do thiên tai, triều cường:

+ Đợt triều cường ngày 24/01/2019 dâng cao gây thiệt hại 2,4ha hoa màu trên địa bàn huyện Duyên Hải; sạt lở 60m khóa đầu kè tạm (kè rọ đá Hiệp Thạnh); sạt lở 54m đường đaml Xóm Đáy ấp Chợ, xã Lưu Nghiệp Anh huyện Trà Cú, địa phương đã vận động khắc phục sự cố; sụp lún 02 căn nhà của người dân ấp Chợ, xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, địa phương đã vận động các hộ dân sống khu vực bờ biển di dời nhà vào trong đê.

+ Do ảnh hưởng bão số 01 làm sập hoàn toàn 23 căn nhà, tốc mái 25 căn, siêu vẹo 01 căn trên địa bàn huyện Trà Cú và Duyên Hải; ngập úng 397ha lúa Đông Xuân mới xuống giống và 10,8 ha hoa màu trên địa bàn huyện Tiểu Cần và Trà Cú, ước tổng thiệt hại 1,8 tỷ đồng.

b) Công tác xây dựng cơ bản

Tiếp tục theo dõi tình hình triển khai thực hiện của 35 dự án (09 dự án hoàn thành, 13 dự án chuyển tiếp và 13 dự án khởi công mới), gồm: 08 công trình phục vụ nuôi, khai thác thủy sản; 12 công trình đê, kè; 15 công trình dân dụng, giải ngân 53,3 tỷ đồng, đạt 12% kế hoạch. Đồng thời, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang triển khai thực hiện 03 công trình trên địa bàn tỉnh, gồm cống Tân Dinh, cống Bông Bót và kênh Mây phốp – Ngã Hậu, khối lượng đạt từ 40-50%.

c) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, VSATTP: Kiểm tra, đánh giá 09 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông - lâm sản và thủy sản, kết quả xếp loại: 02 cơ sở loại A, 07 cơ sở loại B; cấp mới 03 giấy chứng nhận kiến thức về an toàn thực phẩm; thu 80 mẫu phân tích các chỉ tiêu về ATTP (59 mẫu thủy sản). Nâng đến nay đã kiểm tra, đánh giá 16 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông - lâm sản và thủy sản, kết quả xếp loại: 04 cơ sở loại A, 12 cơ sở loại B; cấp mới 06 giấy chứng nhận kiến thức về an toàn thực phẩm và 11 giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm; thu 86 mẫu phân tích các chỉ tiêu về ATTP, kết quả 74 mẫu đạt chất lượng, 01 mẫu chả lụa có Natri Benzoat, ngành đã mời cơ sở đến làm việc, ký cam kết không vi phạm, đồng thời đề nghị Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Vĩnh Long tiếp tục thanh tra, kiểm tra cơ sở sản xuất Chả lụa Thành Công tại Vĩnh Long; 11 mẫu chưa có kết quả.

- Quản lý tàu cá, cảng cá: Kiểm tra an toàn kỹ thuật 19 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 02 tàu, đăng ký 02 tàu, xoá 03 tàu, cấp 05 sổ danh bạ (16 thuyền viên), cấp 07 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 217,9 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu; tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 1.365 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 1.457 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 113,6 triệu đồng; cấp 05 giấy xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, khối lượng 43 tấn. Nâng đến nay đã kiểm tra an toàn kỹ thuật 168 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 09 tàu, đăng ký 28 tàu, xoá 07 tàu, cấp 42 sổ danh bạ (223 thuyền viên), cấp 75 giấy phép khai thác thủy sản, chứng nhận 308,8 tấn nguyên liệu thủy sản khai thác xuất khẩu. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.192 tàu cá được đăng ký (giảm 02 tàu), tổng công suất 141.639 CV (tăng 6.490 CV), trong đó có 322 tàu khai thác xa bờ (tăng 29 tàu); tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 2.944 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 3.529 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 262,3 triệu đồng; cấp 14 giấy xác nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, khối lượng 240 tấn.

- Công tác thanh tra, kiểm tra: Tổ chức 16 đợt thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đối với 109 cơ sở, phương tiện vận chuyển giống thủy sản, thu 44 mẫu phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm phân tích, kiểm tra chất lượng, xử lý 15 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đã thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kinh doanh thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi đối với 161 cơ sở, phương tiện vận chuyển giống thủy sản, thu 74 mẫu phân bón, thức ăn chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm phân tích, kiểm tra chất lượng; ra quyết định xử phạt 33 trường hợp vi phạm.

d) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông:

+ Tổ chức được 21 lớp tập huấn về kỹ thuật canh tác lúa sử dụng phân bón thông minh; kỹ thuật nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng cho 630 lượt nông dân dự; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện phát sóng trực tiếp về giải pháp hạn chế nuôi tôm chậm lớn. Nâng tổng số đến nay tổ chức 24 lớp tập huấn về kỹ thuật canh tác lúa sử dụng phân bón thông minh; kỹ thuật nuôi thủy sản cho 720 lượt nông dân dự; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 02 cuộc phát sóng trực tiếp; 02 cuộc hội thảo trình diễn máy sạ lúa theo khóm và đánh giá, nhân rộng các mô hình hiệu quả trên địa bàn tỉnh cho 165 lượt người dự, 04 bản tin thời sự. Tiếp tục theo dõi 6 mô hình thuộc nguồn vốn sự nghiệp và 8 mô hình thuộc các nguồn vốn kết hợp.

+ Dự án ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò thịt chất lượng cao: Tiếp tục theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật cho 28 hộ nhận nuôi 80 con bò sinh sản; đào tạo 06 kỹ thuật viên, tập huấn cho 100 lượt nông dân và cấp giống hạt cỏ cho các hộ tham gia mô hình, đến nay bò phát triển tốt, đã có 30 con được phối giống.

+ Dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh: Đã hoàn thành việc chọn hộ, ký hợp đồng mua cây giống, đang đấu thầu mua sắm vật liệu và thiết kế bản vẽ xây dựng nhà lưới.

+ Hoàn chỉnh ban hành 05 Hướng dẫn quy trình kỹ thuật thuộc lĩnh vực chăn nuôi; đang hoàn chỉnh chuẩn bị ban hành 11 Hướng dẫn quy trình kỹ thuật cây trồng chủ lực theo Nghị quyết số 17-NQ/TU của Tỉnh ủy; xây dựng Kế hoạch khảo sát thực tế các mô hình sản xuất có hiệu quả để xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật.

Công tác giống:

- Giống cây trồng: Tổ chức sản xuất 8,9 ha lúa giống (cấp xác nhận 1) đang giai trở đến chín; tiếp tục chăm sóc các mô hình khảo nghiệm giống bơ sáp, gấc, xoài, chanh. Từ đầu năm đến nay xuất bán 169 cây giống các loại và 976 kg lúa giống.

- Giống thủy sản: Nhập 03 con tôm sú mẹ, chuẩn bị cho sinh sản; nhập 01 triệu Nauplius tôm thẻ chân trắng về ương dưỡng; sản xuất được 2,8 triệu con giống tôm sú, 400 ngàn con tôm thẻ chân trắng, 1,5 triệu ấu trùng tôm càng xanh toàn đực; nuôi vỗ đàn cá tra, cá lóc bố mẹ chuẩn bị cho sinh sản. Xuất bán 02 triệu ấu trùng tôm sú, 400 ngàn ấu trùng tôm thẻ, 210 ngàn con cá lóc và 3,24 triệu con cá tra giống.

- Giống vật nuôi: Tiếp tục chăm sóc 09 con dê (6 con được phối giống), đàn vịt biển sinh sản và đàn gà tàu vàng sinh sản; trong tháng vịt đẻ 3.369 trứng, gà đẻ 1.353 trứng, bán trứng thương phẩm 3.030 trứng (200 trứng gà), cung ứng 100 con gà giống. Nâng tổng số vịt đẻ 6.868 trứng, gà đẻ 2.954 trứng, bán trứng thương phẩm 6.798 trứng (598 trứng gà), cung ứng 300 con gà giống.

6. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp nông thôn còn chậm, chưa có đột phá, chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu còn hạn chế, các địa phương còn nặng về cây lúa, diện tích chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng khác chưa đạt yêu cầu.

Chưa triển khai xây dựng được các mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là trên cây trồng.

Việc quản lý lịch thời vụ của địa phương chưa chặt chẽ, lúa vụ Đông xuân chậm và kéo dài so với lịch thời vụ hơn 30 ngày dẫn đến tiến độ thu hoạch chậm và ảnh hưởng đến các vụ tiếp theo, gây khó khăn cho việc vận hành công điều tiết nước phục vụ sản xuất.

Tình hình chăn nuôi có phát triển, tuy nhiên còn chậm do áp lực của dịch tả heo Châu phi từ các tỉnh phía Bắc nên các hộ chăn nuôi heo chưa đầu tư tái đàn nhiều.

Chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế và bất cập. Các mô hình có hiệu quả nhân rộng chưa nhiều.

Môi trường nuôi tôm chưa ổn định, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn (khoảng 7° C) làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho dịch bệnh phát sinh.

Ngoài ra, công tác phòng, chống dịch bệnh ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức, hộ nuôi chưa có ý thức cao trong công tác phòng chống dịch bệnh trước điều kiện thời tiết biến động bất thường như hiện nay.

Kinh tế hợp tác phát triển còn chậm và hiệu quả chưa cao nên chưa thu hút nông dân tham gia. Công tác phối hợp, trao đổi thông tin, thỉnh thị ý kiến, báo cáo trong ngành chưa được thực hiện tốt, thiếu kịp thời.

PHẦN II KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 4, QUÍ II NĂM 2019

I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

Phần đầu giá trị sản xuất đạt thêm 6.732 tỷ đồng (giá so sánh 2010), trong đó: Nông nghiệp 4.555 tỷ đồng (trồng trọt 3.588 tỷ đồng, chăn nuôi 613 tỷ đồng, dịch vụ 354 tỷ đồng); lâm nghiệp 100 tỷ đồng; thủy sản 2.077 tỷ đồng (khai thác hải sản 393 tỷ đồng, khai thác nội đồng 112 tỷ đồng, nuôi trồng thủy sản 1.559 tỷ đồng, dịch vụ 12 tỷ đồng). Lũy kế 6 tháng đầu năm 11.661 tỷ đồng, đạt 42% kế hoạch.

Sản lượng cây trồng chủ yếu: Lúa 385.395 tấn; màu lương thực 20.732 tấn; màu thực phẩm 170.526 tấn; mía 1270.150 tấn; đậu phộng 12.723 tấn; dừa 67.670 tấn; cây ăn trái 48.250 tấn.

Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu: Đàn trâu, bò tăng thêm 4.200 con 209.000 con; đàn heo ổn định 329.475 con, đàn gia cầm tăng thêm 300 ngàn con.

Sản lượng thủy sản: Tăng thêm 42.400 tấn (15.017 tấn tôm), trong đó: Nuôi trồng 23.423 tấn; khai thác 21.148 tấn.

II. CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, THỦY SẢN VÀ PTNT

1. Trồng trọt

Cây lúa: Tiếp tục theo dõi, cập nhật tình hình thu hoạch lúa vụ Đông Xuân; hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng và xuống giống vụ lúa Hè Thu dứt điểm theo khung lịch thời vụ, hướng dẫn nông dân chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh đến giai đoạn an toàn, tuyệt đối không để xảy ra thiệt hại đầu vụ. Tăng cường công tác dự tính, dự báo và xây dựng các điểm dự báo sâu bệnh kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Tập trung hướng dẫn nông dân theo dõi, chăm sóc, thu hoạch màu Đông Xuân và xuống giống màu vụ mùa. Tiếp tục khuyến khích nông dân chuyển đổi diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả sang trồng màu ở những nơi có điều kiện, tập trung phát

triển một số cây chủ lực, có thị trường tiêu thụ như: Dưa hấu, bắp, đậu phộng, bí đỏ, các loại rau màu thực phẩm...

Cây lâu năm: Tiếp tục cải tạo vườn cây ăn trái kém hiệu quả, chăm sóc diện tích vườn hiện có, triển khai thực hiện các biện pháp phòng chống sâu bệnh trên cây ăn trái như bệnh đốm nâu trên cây thanh long, sâu đục trái trên cây có múi, bệnh chổi rồng trên nhãn, bọ cánh cứng hại dứa. Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống và trồng cam sành không hạt chất lượng cao tại Trà Vinh

2. Chăn nuôi

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh năm 2019 và Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp đối với bệnh Dịch tả heo Châu Phi; Đoàn Kiểm tra liên ngành và Đội ứng phó nhanh tăng cường kiểm tra việc mua bán, vận chuyển gia súc, gia cầm, đặc biệt là heo trên địa bàn tỉnh; kiểm tra các Chốt Kiểm dịch trên các tuyến Quốc lộ 53, 54, 60 nhằm kiểm soát tình hình gia súc, gia cầm và sản phẩm động vật xuất nhập tỉnh, đặc biệt là tình hình heo và sản phẩm heo nhập tỉnh; thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh đặc biệt là Cúm gia cầm và LMLM gia súc; phối hợp chính quyền địa phương thông tin kịp thời đến người dân về diễn biến dịch bệnh, tuyên truyền cho người chăn nuôi chủ động thực hiện “5 không” trong công tác phòng, chống dịch (*Không giầu dịch; Không mua bán, vận chuyển heo bệnh, heo chết; Không giết mổ, tiêu thụ thịt heo bệnh, heo chết; Không vứt heo chết ra môi trường; Không sử dụng thức ăn dư thừa chưa qua xử lý nhiệt*); tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi tiêm phòng cho đàn vật nuôi, nhất là cúm gia cầm, LMLM gia súc, thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định; tăng cường công tác kiểm soát giết mổ tại cơ sở giết mổ tập trung.

3. Thủy sản

Tổ chức Lễ kỷ niệm ngày truyền thống nghề cá 01/4; tiếp tục theo dõi tiến độ thả nuôi tôm nước lợ ở các huyện ven biển và nuôi thủy sản ở các huyện vùng nước ngọt; tăng cường cán bộ bám địa bàn các xã của huyện Cầu Ngang, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải nắm tình hình thả nuôi tôm thẻ theo hình thức siêu thâm canh và hướng dẫn người nuôi thực hiện đúng quy trình kỹ thuật; tiếp tục quan trắc cảnh báo môi trường nước và thu mẫu gáp xác phân tích mầm bệnh để có những khuyến cáo kịp thời cho người nuôi; tiếp tục tuyên truyền phổ biến quy trình nuôi tôm siêu thâm canh cho chính quyền địa phương cấp xã và cấp huyện; cấp giấy phép, thống kê nghề khai thác thủy sản, tuyên truyền hỗ trợ ngư dân thành lập mới các tổ đội đoàn kết sản xuất trên biển; xây dựng kế hoạch rà soát số tàu mất tích, hư hỏng không thể sửa chữa để tiến hành xóa đăng ký theo quy định, đặc biệt là nhóm tàu cá công suất dưới 20 CV.

4. Lâm nghiệp

Tham mưu thành lập Ban chỉ đạo và xây dựng Phương án thực hiện Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp và xây dựng quy chế hoạt động của BCD; thực hiện trồng rừng thay thế, trồng cây lâm nghiệp phân tán và các dự án lâm sinh hiện đang triển khai thực hiện; hoàn thành

công tác vệ sinh và tổ chức nghiệm thu phúc tra vệ sinh PCCC rừng; tổ chức tuyên truyền các văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản và PCCC rừng; tiếp tục hợp đồng giao khoán, bảo vệ rừng; tuần tra, quản lý bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản, kịp thời ngăn chặn các trường hợp vi phạm; tiếp tục thực hiện kế hoạch Chương trình Lâm nghiệp bền vững năm 2019, xây dựng kế hoạch Lâm nghiệp bền vững năm 2020; phối hợp xây dựng khái toán và đề xuất chủ trương đầu tư kế mềm kết hợp trồng rừng hạn chế sạt lở các xã ven sông Hậu trên địa bàn huyện Trà Cú.

5. Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới: Tham mưu xây dựng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; Đề án phát triển cho địa bàn khó khăn trong xây dựng nông thôn mới; ban hành Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2019; tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới của 15 xã dự kiến đạt chuẩn năm 2019; phối hợp với UBND huyện Cầu Kè triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng huyện nông thôn mới; hướng dẫn địa phương tổ chức triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và đầu tư phát triển; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện các phóng sự về kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; xây dựng pano, áp phích và cấp phát tờ bướm tuyên truyền xây dựng nông thôn mới.

Nhanh chóng hoàn chỉnh kế hoạch năm 2019 triển khai thực hiện Đề án phát triển ngành nghề nông thôn và Đề án phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm; khảo sát, trình công nhận làng nghề theo quy định.

Chương trình bố trí dân cư: Trình xem xét hỗ trợ nguồn vốn để tiếp tục đầu tư các hạng mục còn lại của Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu Thành; hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo quyết toán các hạng mục hoàn thành; tuyên truyền, vận động và hỗ trợ di dời các hộ dân có nguy cơ bị sạt lở vào nơi ở mới an toàn.

Kinh tế hợp tác: Tổ chức 07 lớp tập huấn thành lập mới và củng cố HTX trên địa bàn huyện Càng Long, Cầu Ngang và Trà Cú; tổ chức cho HTX nông nghiệp tham quan học tập mô hình dưa hấu cơ tại tỉnh Bến Tre; triển khai Nghị Quyết số 78/2018-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đến địa phương và các HTX nông nghiệp; xây dựng Hướng dẫn thực hiện Nghị Quyết số 78/2018-HĐND về việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; tổng hợp báo cáo 15 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18 tháng 3 năm 2002, hội nghị lần thứ 5, BCH Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; hỗ trợ các HTX về liên kết chuỗi giá trị trên các lĩnh vực thủy sản, lúa, rau màu, cây ăn trái và xây dựng mô hình công nghệ cao.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch nông thôn và lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 2.500 hộ.

II. CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Tổ chức 100 lớp tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; triển khai thực hiện các mô hình thực hiện vốn sự nghiệp năm 2019 và các Dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, dự án phối hợp Ngân hàng thế giới; hoàn chỉnh Chương trình khuyến nông địa phương giai đoạn 2020-2024; hoàn chỉnh ban hành 11 Hướng dẫn qui trình kỹ thuật cây trồng chủ lực theo Nghị quyết số 17-NQ/TU của Tỉnh ủy; phân công cán bộ trực tiếp tư vấn kỹ thuật nuôi thủy sản nước lợ và các đối tượng cây trồng vật nuôi trên đại bàn tỉnh; tham mưu trình UBND tỉnh bổ sung định mức kinh tế, kỹ thuật một số loại cây trồng, vật nuôi trên đại bàn tỉnh.

Theo dõi tình diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn, nguồn nước, xâm nhập mặn, đồng thời đôn đốc các địa phương triển khai thi công và đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác thủy lợi nội đồng; công trình duy tu, bảo dưỡng đê điều và công trình chống hạn mặn năm 2019 nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh; hoàn chỉnh trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai và Phương án ứng phó sự cố thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh; tổ chức tập huấn công tác phòng chống thiên tai cho các xã nhằm nâng cao nhận thức và khả năng ứng phó của nhân dân; tổ chức Hội nghị tổng kết công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2018, triển khai nhiệm vụ năm 2019; thường xuyên kiểm tra các tuyến đê nhằm xử lý kịp thời các sự cố, bảo đảm an toàn trong mùa mưa bão.

Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch bảo đảm ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 2019; tiếp tục tuyên truyền hướng dẫn công tác quản lý chất lượng và phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông sản, thủy sản cho các cán bộ quản lý tại địa phương hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng; tiếp nhận và hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản, thủy sản; thu mẫu kiểm soát ATVS vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản. Đồng thời, tổ chức xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản đã đăng ký.

Tập trung triển khai, kiểm tra, giám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, ngăn ngừa, giảm thiểu các tác động của biến đổi khí hậu thuộc nguồn vốn phân bổ năm 2019 và vốn kết dư từ năm 2018 chuyển sang. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2019.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh. Hoàn chỉnh trình phê duyệt Phương án tự chủ của Trung tâm giống.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành: Quản lý chất lượng cây, con giống, vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y;

kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm; tổ chức 01 cuộc thanh tra trách nhiệm và 01 cuộc thanh tra về quản lý, sử dụng tài chính tại 02 ơn vị trực thuộc Sở; 11 cuộc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật, buôn bán gỗ và các lâm sản khác.

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc khẩn trương triển khai thực hiện các dự án thuộc nguồn vốn sự nghiệp và các chương trình được phân bổ vốn năm 2019.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG 4

1. Trồng trọt

- Cây lúa: Vận động nông dân cày ải ở những nơi có điều kiện và vệ sinh đồng ruộng chuẩn bị đất xuống giống lúa Hè Thu theo khung lịch thời vụ và cơ cấu giống theo khuyến cáo; hướng dẫn nông dân chăm sóc không để xảy ra thiệt hại đầu vụ do xì phèn, khô hạn.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Chỉ đạo hướng dẫn nông dân xuống giống cây màu vụ Xuân Hè và tuyên truyền, vận động nông dân đưa cây màu xuống chân ruộng ở những nơi có điều kiện, hướng dẫn nông dân phòng trị các loại sâu bệnh gây hại như sâu tơ, sâu xanh, bệnh thán thư, bệnh cháy dây,... Triển khai thực hiện Kế hoạch số 35/KH-UBND tỉnh về chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

2. Chăn nuôi

Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh năm 2019 và Kế hoạch hành động ứng phó khẩn cấp đối với bệnh Dịch tả heo Châu Phi; Đoàn Kiểm tra liên ngành và Đội ứng phó nhanh tăng cường kiểm tra việc mua bán, vận chuyển gia súc, gia cầm, đặc biệt là heo; kiểm tra tại các Chốt Kiểm dịch trên các tuyến Quốc lộ 53, 54, 60 nhằm kiểm soát tình hình gia súc, gia cầm và sản phẩm động vật xuất nhập tỉnh, đặc biệt là heo và sản phẩm heo nhập tỉnh; thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh đặc biệt là Cúm gia cầm và LMLM gia súc trong thời điểm giao mùa; tuyên truyền, vận động các hộ chăn nuôi thực hiện tiêm phòng và tiêu độc sát trùng theo quy định.

3. Thủy sản

Tổ chức Lễ kỷ niệm ngày truyền thống nghề cá 01/4; khuyến cáo người nuôi tôm thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết, môi trường, dịch bệnh, độ mặn thích hợp thì thả nuôi theo hình thức thâm canh và bán thâm canh; tăng cường cán bộ chuyên môn xuống địa bàn các xã để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật cho người dân nuôi trồng thủy sản ở các huyện nuôi thủy sản trọng điểm. Thực hiện quan trắc môi trường nước, thu mẫu giáp xác phân tích mầm bệnh và thông báo để nông dân quản lý ao nuôi.

4. Lâm nghiệp

Tổ chức tuyên truyền các văn bản liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng, quản lý lâm sản và phòng cháy chữa cháy rừng; tiếp tục hợp đồng giao khoán, bảo vệ rừng; tổ chức nghiệm thu công tác vệ sinh phòng cháy rừng.

Tăng cường công tác tuần tra quản lý bảo vệ rừng, tuần tra kiểm soát lâm sản, quản lý động vật hoang dã, kịp thời ngăn chặn các trường hợp vi phạm. Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; xây dựng Phương án thực hiện Đề án giao rừng, thuê rừng gắn liền với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp.

5. Phát triển nông thôn

Tham mưu xây dựng Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; ban hành Chương trình xây dựng nông thôn mới năm 2019; tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện xây dựng nông thôn mới của 15 xã dự kiến đạt chuẩn năm 2019; phối hợp với UBND huyện Cầu Kè triển khai thực hiện Kế hoạch xây dựng huyện nông thôn mới; hướng dẫn địa phương tổ chức triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ sản xuất và đầu tư phát triển.

Trên đây là báo cáo sơ kết công tác tháng 3, quý I và kế hoạch công tác tháng 4, quý II năm 2019 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các đơn vị, phòng, ban thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện, TX, TP;
- Lưu: VT, KHTC.

KT. GIÁM ĐỐC^{NHC}
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Ngọc Hải

THỐNG KÊ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN THÁNG 3 VÀ QUÍ I/2019

(Tính đến ngày 15/3/2019)



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quý I/2018	KH vụ/năm 2019	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2019	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
	Giá trị sản xuất (giá SS 2010)	Tỷ đồng	4.707	28.040	-	4.929	104,72%	17,58%
<i>a</i>	<i>Giá trị SX nông nghiệp</i>	"	3.527	18.117	-	3.578	101,45%	19,75%
	- Trồng trọt	"	2.329	13.260		2.364	101,50%	17,83%
	- Chăn nuôi	"	975	3.210		988	101,33%	30,78%
	- Dịch vụ	"	223	1.647		226	101,45%	13,74%
<i>b</i>	<i>Giá trị lâm nghiệp</i>	"	63	310		64	101,02%	20,53%
<i>c</i>	<i>Giá trị sản xuất thủy sản</i>	"	1.117	9.613	-	1.288	115,28%	13,40%
	- Khai thác hải sản	"	333	1.337		350	105,02%	26,16%
	- Khai thác nội đồng	"	107	420		95	89,00%	22,67%
	- Nuôi trồng thủy sản	"	672	7.827		838	124,64%	10,70%
	- Dịch vụ thủy sản	"	5	29		5	103,24%	17,80%
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	90.360	277.900	7.626	91.426	101,18%	32,90%
	Cây lương thực có hạt	Ha	70.511	227.600	521	70.565	100,08%	31,00%
1	- Cây lúa	Ha	68.784	222.600	-	68.819	100,05%	30,92%
	- Sản lượng	Tấn	93.642	1.244.900	57.909	70.193	74,96%	5,64%
	Trong đó		5,64					
	Vụ mùa		16.598,46					
	- Diện tích gieo sạ	Ha	2.367	1.600		2.235	94,44%	139,71%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.367	1.600	49	2.235	94,44%	139,71%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	45,23	45,00	44,10	44,52	98,43%	98,93%
	- Sản lượng	tấn	10.705	7.200	218	9.952	92,97%	138,22%
	Vụ Đông - Xuân							
	- DT gieo sạ	ha	66.418	66.000		66.584	100,25%	100,88%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	14.232	66.000	9.706	10.176	71,50%	15,42%
	- Năng suất bình quân	Tạ/ha	58,28	66,00	59,44	59,20	101,58%	89,70%
	- Sản lượng	tấn	82.937	435.600	57.691	60.241	72,63%	13,83%
	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích	Ha		77.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		52,00				
	- Sản lượng	tấn		400.400				
	Vụ Thu đông							
	- Diện tích	Ha		78.000				
	- Năng suất	Tạ/ha		51,50				
	- Sản lượng	tấn		401.700				
	Cây màu							
2	DT gieo trồng	Ha	21.576	55.300	7.626	22.607	104,78%	40,88%
	DT thu hoạch	Ha	12.056	55.300	11.394	12.616	104,64%	22,81%
	Sản lượng	tấn	431.795	1.555.995	428.983	454.935	105,36%	29,24%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Quý I/2018	KH vụ/năm 2019	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2019	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
2.1	Màu lương thực		2.638	7.900	1.008	2.751	104,30%	34,82%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	1.726	5.000	521	1.745	101,10%	34,91%
	- Diện tích thu hoạch	"	752	5.000	677	748	99,47%	14,96%
	- Năng suất	Tạ/ha	56,1	54,00	55,4	55,3	98,57%	102,41%
	- Sản lượng	Tấn	4.219	27.000	3.751	4.136	98,05%	15,32%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	478	1.350	315	544	113,75%	40,29%
	+ Diện tích thu hoạch	"	150	1.350	129	147	98,00%	10,89%
	+ Năng suất	Tạ/ha	161,5	166,50	161,6	161,5	100,00%	96,99%
	+ Sản lượng	Tấn	2.423	22.478	2.084	2.374	98,00%	10,56%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	256	900	124	284	111,08%	31,55%
	+ Diện tích thu hoạch	"	63	900	50,0	52	82,54%	5,78%
	+ Năng suất	Tạ/ha	157,9	160,00	153,8	154,0	97,54%	96,25%
	+ Sản lượng	Tấn	995	14.400	768,8	801	80,51%	5,56%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	177	650	48	178	100,20%	27,34%
	+ Diện tích thu hoạch	"	80	650	35,0	35	43,75%	5,38%
2.2	Cây thực phẩm	Ha	11.147	31.500	3.159	12.233	109,74%	38,84%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	10.915	31.000	3.059	12.007	110,01%	38,73%
	+ Diện tích thu hoạch	"	7.560	31.000	6.444	7.570	100,13%	24,42%
	+ Năng suất	Tạ/ha	228,4	230,00	225,2	225,4	98,69%	98,00%
	+ Sản lượng	Tấn	172.670	713.000	145.099	170.628	98,82%	23,93%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	232	500	100	226	97,48%	45,17%
	+ Diện tích thu hoạch	"	55	500	52	57	103,64%	11,40%
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,2	17,33	18,5	17,9	98,35%	103,29%
	+ Sản lượng	Tấn	100	910	96	102	101,93%	11,21%
2.3	Cây công nghiệp hàng năm		7.791	15.900	3.458	7.622	97,83%	47,94%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.335	5.100	1.054	3.396	101,82%	66,59%
	+ Diện tích thu hoạch	"	975	5.100	1.078	1.078	110,56%	21,14%
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,86	51,29	54,10	54,10	100,45%	105,47%
	+ Sản lượng	Tấn	5.251	26.160	5.832	5.832	111,06%	22,29%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	1.594	4.500	929	1.261	79,08%	28,02%
	+ Diện tích thu hoạch	"	2.065	4.500	1.891	1.891	91,57%	42,02%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.120	1.050	1.118	1.118	99,80%	106,46%
	+ Sản lượng	Tấn	231.280	472.500	211.376	211.376	91,39%	44,74%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	929	2.700	367	803	86,37%	29,73%
	+ Diện tích thu hoạch	"	150	2.700	247	247	164,67%	9,15%
	+ Năng suất	Tạ/ha	114,0	115,00	108,6	108,6	95,26%	94,43%
	+ Sản lượng	Tấn	1.710	31.050	2.682	2.682	156,87%	8,64%
	Cây trồng khác	"						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.932	3.600	1.109	2.163	111,95%	60,08%
	+ Diện tích thu hoạch	"	206	3.600	791	791	383,98%	21,97%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2018	KH vụ/năm 2019	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2019	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
3	Cây lâu năm đừa	tán	77.175	277.000		80.330	104,09%	29,00%
4	Cây ăn quả	tán	85.200	255.000	89.250	89.250	104,75%	35,00%
II	CHĂN NUÔI							
	- Tổng đàn trâu, bò	con	209.098	215.500		209.470	100,18%	97,20%
	- Tổng đàn lợn	con	315.200	360.000		329.475	104,53%	91,52%
	- Tổng đàn gia cầm	ngàn con	4.596	5.000		4.700	102,24%	93,99%
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha		60				
	- DT rừng trồng được chăm sóc	Ha		444				
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha		5.452				
	- Cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây		75				
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	24.814	53.200	6.276	27.627	111,33%	51,93%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	284,6	3.500	78,0	424,1	149,04%	12,12%
	- Diện tích nuôi cá	"	257	2.000	77	279	108,88%	13,97%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	4	40	11	13,15	343,34%	32,88%
	Cá lóc	"	47	270	7	63,58	135,36%	23,55%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	28	1.500	1	144,75	516,96%	9,65%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	28	1.500	1	144,75	516,96%	9,65%
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	24.530	49.700	6.198	27.203	110,90%	54,73%
	- Diện tích nuôi cá		12.166			13.478		
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	12.364	48.700	6.198	13.725	111,01%	28,18%
	Trong đó: + Tôm sú	"	10.701	21.700	4.961	11.368	106,24%	52,39%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	1.465	8.500	1.074	2.110	144,03%	24,83%
	+ Cua biển	"	198	18.500	163	246	124,48%	1,33%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"		1.000				0,00%
2	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	30.916	218.000	15.835	36.950	119,52%	16,95%
2.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	14.451	140.000	9.948	19.547	135,27%	13,96%
2.1.2	Nuôi nước ngọt	Tấn	9.270	76.500	6.944	13.620	146,92%	17,80%
	- Sản lượng cá	"	8.779	75.000	6.702	12.963	147,66%	17,28%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	931,0	20.000	2.196	2.679	287,76%	13,40%
	Cá lóc	"	5.088,8	35.000	3.293	7.735	152,01%	22,10%
	Tôm càng xanh	"	491,05	1.500	242	657	133,73%	43,78%
2.1.3	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	5.181	63.500	3.004	5.927	114,42%	9,33%
	- Sản lượng cá nuôi	"						
	- Sản lượng giáp xác	"	5.161	58.500	3.004	5.897	114,28%	10,08%
	Trong đó: + Tôm sú	"	973,68	12.000	777	1.060	108,90%	8,84%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	3.731	39.000	1.973	4.332	116,09%	11,11%
	+ Nuôi cua biển	"	455,50	7.500	254	505	110,93%	6,74%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	20	5.000	-	30	150,00%	0,60%
2.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	16.466	78.000	5.886	17.403	105,69%	22,31%
2.2.1	Khai thác biển	"	13.962	68.000	5.067	15.182	108,74%	22,33%
	+ Cá các loại	"	6.180	29.000	2.170	6.964,15	112,69%	24,01%
	+ Tôm các loại	"	2.018	9.000	726,5	1.937,48	95,99%	21,53%
	+ Thủy sản khác	"	5.763	30.000	2.171	6.280,41	108,97%	20,93%
2.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	2.504	10.000	819	2.221	88,68%	22,21%
	+ Cá các loại	"	1.182	5.000	380	1.084,11	91,71%	21,68%

STT	Chi tiêu	ĐVT	Quý I/2018	KH vụ/năm 2019	TH tháng 03	Ước TH Quý I/2019	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	+ Tôm các loại	"	997	3.000	323	822,18	82,44%	27,41%
	+ Thủy sản khác	"	325	2.000	116	314,24	96,80%	15,71%
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm sú</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	8.543		4.675	10.550	123,49%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	242		229	462	190,91%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	10.701		4.961	11.368	106,23%	
	- Diện tích bị thiệt hại	Ha	107		77	158	147,78%	
	- Số con giống thả nuôi	Triệu con	585		369	760	130,03%	
	- Số con giống bị thiệt hại	Triệu con	24		87	108	454,01%	
	- Tỷ lệ con giống bị thiệt hại	%	4		24	14	349,14%	
	<i>* Tình hình thiệt hại tôm thẻ chân trắng</i>							
	- Tổng số hộ thả nuôi	Lượt hộ	4.065		2.855	5.623	138,33%	
	- Số hộ bị thiệt hại	Lượt hộ	542		445	773	142,62%	
	- Diện tích thả nuôi	Ha	1.465		1.074	2.110	144,03%	